

Bản án số: 15/2022/HS-PT

Ngày: 13- 01- 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh.

Bà Huỳnh Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 292/2021/TLPT-HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2021/HS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Tòa án N dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Văn N, sinh năm 1990 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Tổ XX, ấp Z, xã Mỹ T, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N1, sinh năm 1963 (Chết) và bà Trần Thị D, sinh năm 1961; có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa; Tạm giữ: Ngày 18-9-2020; Tạm giam: Ngày 27-9-2020, đến ngày 01-01-2021 được thay thế biện pháp tạm giam thành biện pháp bảo lãnh. Ngày 24-02-2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn từ bảo lãnh sang tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Ngọc T (Lướt), Phạm Văn X (Bảo Em) không kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn N được những người bạn ngoài xã hội giới thiệu nên quen biết với người đàn ông tên Nên ở Hồng N (chưa xác định rõ họ tên thật và địa chỉ) là người cung cấp thuốc lá điều nhập lậu cho N để N bán lại kiếm lời. N và N2 thống nhất khi nào N cần mua thuốc lá hoặc Nên có số lượng thuốc lá nhiều, cần người mua thì sẽ liên lạc với nhau qua điện thoại di động, thỏa thuận việc mua bán và hẹn địa điểm rồi tiến hành giao nhận. Sau khi N bán được thuốc lá sẽ trả tiền cho N2 thông qua hình thức chuyển tiền tại các Cửa hàng Điện Máy Xanh nhưng N không nhớ rõ địa chỉ của những Cửa hàng này.

Khoảng 11 giờ ngày 18-9-2020, N sử dụng điện thoại di động của N hiệu Samsung, màu xanh đen, sim số 0795.407.7XX liên lạc với người tên N2 qua số thuê bao 0353.176.1XX để mua thuốc lá điều nhập lậu do nước ngoài sản xuất và hẹn giao dịch tại khu vực xã Tân N3, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi thỏa thuận xong, N gọi điện thoại thuê Nguyễn Ngọc T đi nhận thuốc lá điều về cho N, T đồng ý và chuẩn bị xuống nhựa composite (vỏ lãi) cùng động cơ máy xăng hiệu Huyndai của T để đi nhận thuốc lá. Trong lúc này, T nhìn thấy Phạm Văn X đi đến nên rủ X cùng đi vận chuyển thuốc lá điều thuê về cho N, X đồng ý và cả hai sử dụng vỏ lãi do T vừa chuẩn bị đi đến địa điểm nhận thuốc lá mà N đã cung cấp. Khi đến bãi đất trống cặp bờ sông thuộc khu vực xã Tân N3, huyện Cao L (không rõ địa chỉ cụ thể), T dừng lại chờ người giao thuốc lá đến. Khoảng vài phút sau thì có một số người vận chuyển thuốc lá bằng xe mô tô đến giao cho T và X. T và X nhận thuốc lá và mang xuống vỏ lãi rồi vận chuyển về nhà của N tại số ZZ, đường Mường K, Tổ CC, Ấp VV, xã Mỹ T, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Về đến nhà của N, N cảnh giới cho T và X mang thuốc lá từ vỏ lãi lên nhà, khi vừa mang đến thùng cuối cùng thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Hình sự - Kinh tế - Ma túy Công an thành phố Cao L phối hợp cùng Công an xã Mỹ T phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày. Lực lượng Công an thu giữ tại hiện trường những tang vật gồm:

- 1.730 bao thuốc lá điều nhãn hiệu SCOST;
- 4.240 bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET;
- 1.480 bao thuốc lá điều nhãn hiệu HERO;
- 01 xuống nhựa composite (vỏ lãi) và 01 động cơ máy xăng hiệu Huyndai;
- 16 bao dệt dùng để chứa thuốc lá;

- 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG có gắn sim 0795.407.724.

Căn cứ kết quả kiểm tra nội dung điện thoại di động Samsung của N, thể hiện danh bạ điện thoại có lưu số điện thoại của người tên “Nên” mà N đã mua thuốc lá điều nhập lậu vào ngày 18- 9- 2020 với số thuê bao 0353.176.1XX, phù hợp với lời khai của N. Tuy nhiên, N không biết rõ họ tên và địa chỉ của người này. Cơ quan điều tra có Công văn yêu cầu tra cứu thông tin chủ thuê bao 0353.176.1XX và được Tập đoàn Công nghệ - Viễn thông Quân đội Viettel cung cấp chủ thuê bao tên Ngô Văn C, sinh năm 1952, ngụ khóm Cả G, phường An T, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại địa chỉ trên thì được Công an phường An T xác nhận đương sự Ngô Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm Cả G, phường An T, thành phố Hồng N nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, đi đâu và làm gì không rõ. Do đó, Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào xác minh và làm việc được với các đối tượng nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Qua làm việc, các bị cáo khai nhận N trực tiếp thuê T vận chuyển thuốc lá với số tiền thuê là 1.000 đồng/cây (10 bao). Việc T rủ X cùng đi vận chuyển thuốc lá thì N không biết. Đồng thời, đây là lần đầu X cùng T vận chuyển thuốc lá thuê cho N, T không biết X chưa đủ 18 tuổi. N là người trực tiếp trả tiền thuê cho T, sau đó nếu trót lọt T sẽ cho lại X lại 100.000 đồng để tiêu xài nhưng do bị bắt quả tang nên các bên chưa giao nhận được tiền thuê. Ngoài lần vận chuyển này, T còn vận chuyển cho N một lần trước đó nhưng số lượng ít, không nhớ rõ thời gian vận chuyển và số lượng bao nhiêu nên không đủ căn cứ xử lý.

Đối với Bùi Thị Vy Y là vợ của N chỉ biết N có mua bán thuốc lá điều nhập lậu lần trước đó nhưng cụ thể về số lượng, hoạt động phạm tội của N thì Y không biết rõ. Đồng thời, quá trình mua bán cũng như thuê người vận chuyển thì N không trao đổi hay bàn bạc với Y. Ngày 18-9-2020, vào thời điểm T và X mang thuốc lá lên nhà cho N thì Yêm ở phía sau trông con, không biết cụ thể số lượng thuốc lá cất giấu trong nhà cho đến khi bị lực lượng Công an bắt quả tang thì Y mới biết. Do đó, không xem xét xử lý Y với vai trò đồng phạm và không tố giác tội phạm.

Đối với điện thoại di động T dùng liên lạc cho hoạt động vận chuyển thuốc lá do hiện nay đã bị hỏng và T đã bỏ mất nên không thể thu giữ để xử lý.

Ngoài hành vi phạm tội như trên, N còn khai nhận đã nhiều lần bán thuốc lá điều nhập lậu, không nhớ rõ số lượng cho nhiều người nhưng không biết rõ họ tên thật và địa chỉ, gồm Bà H ở Bến T, Đào ở Tiền G1, M, L ở Vĩnh L1. Tuy nhiên, chỉ có lời khai duy nhất của N nên không đủ căn cứ xử lý. Riêng những người mua thuốc lá theo N khai gồm Bà H, Đ, M và Ldo không có đủ thông tin

để tiến hành xác minh nên chưa làm việc được, khi nào làm việc được nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Trong quá trình điều tra, N, T và X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản nhận dạng, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án số 77/2021/HS-ST ngày 14-10-2021 của Tòa án N dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và Nguyễn Ngọc T, Phạm Văn X phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24-02-2021 nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-9-2020 đến ngày 01-01-2021.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 06 (sáu) năm tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 332/2020/HS-PT, ngày 03-11-2020 của Tòa án N dân tỉnh Đồng Tháp. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-12-2020.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn X 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Đến ngày 26-10-2021, bị cáo Phạm Văn N có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng truy tố và Bản án sơ thẩm đã kết án bị cáo. Bị cáo thừa nhận Bản án số 77/2021/HS-ST ngày 14-10-2021 của Tòa án N dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp tuyên xử bị cáo phạm tội “Buôn bán

hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự là đúng, không oan sai. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng mức hình phạt 09 năm tù mà Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là nặng, bị cáo kháng cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo do gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo đã ly hôn vợ và nuôi hai con nhỏ đang cần bị cáo chăm sóc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát N dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm nhận định hành vi của bị cáo Phạm Văn N bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo, gia đình có công với cách mạng theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết gì mới để Hội đồng xét xử xem xét. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy, thuốc lá điều ngoại nhập lậu là hàng cấm, nên việc buôn bán, tàng trữ, vận chuyển mặt hàng này là hành vi trái pháp luật. Vào ngày 18-9-2020, bị cáo Phạm Văn N thuê Nguyễn Ngọc T vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu và Nguyễn Ngọc T rử rê Phạm Văn X (vào thời điểm phạm tội X chỉ 16 tuổi 04 tháng 29 ngày) sử dụng xương nhựa composite (vỏ lõi) có gắn động cơ máy xăng của T vận chuyển 7.450 bao thuốc lá điều nhập lậu (loại 20 điếu/bao) gồm: 1.730 bao thuốc lá hiệu SCOTT, 4.240 bao thuốc lá hiệu JET và 1.480 bao thuốc lá hiệu HERO từ xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh mang về nhà của bị cáo tại số XX, đường Mương K, Tổ ZZ, Ấp 1, xã Mỹ T1, thành phố Cao L, cất giấu nhằm mục đích bán lại kiếm lời. Vì vậy, hành vi của bị cáo Phạm Văn N đủ cơ sở cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2021/HS-ST ngày 14-10-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp kết án bị cáo Phạm Văn N về tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo mức án 09 năm tù.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N xin được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ, đúng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo và gia đình có công với cách mạng theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 của Điều 51 Bộ luật hình sự. Hình phạt 09 năm tù mà Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo N là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Nay bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng các lý do bị cáo nêu ra không có cơ sở pháp lý để chấp nhận. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[3] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2021/HS- ST ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Tòa án N dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Văn N.

2. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24- 02- 2021 nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18- 9- 2020 đến ngày 01-01-2021.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS thành phố Cao L;
- CQCSĐT Công an thành phố Cao L;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh